

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2017

GIỚI THIỆU NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ THÍ ĐIỂM XỬ LÝ NỢ XẤU CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sau gần 4 năm triển khai thực hiện Đề án “Xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD” và Đề án “Thành lập Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam” (VAMC) ban hành kèm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 31/5/2013, đến nay, việc xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD đã đạt được một số kết quả nhất định như: *Thứ nhất*, các TCTD đã xây dựng và triển khai phương án xử lý nợ xấu, tích cực triển khai các biện pháp kiểm soát nợ xấu phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng, trong 04 năm (từ 2012-2016), toàn hệ thống TCTD đã xử lý được 611,59 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Kết quả xử lý nợ xấu đã góp phần giúp các TCTD mở rộng tín dụng cho nền kinh tế, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên, ngành chiến lược theo định hướng tái cấu trúc nền kinh tế, góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. *Thứ hai*, VAMC bước đầu góp phần xử lý nợ xấu. Tính đến cuối năm 2016, VAMC đã cùng với các TCTD xử lý được 50.139 tỷ đồng nợ xấu trong tổng số 245.924 tỷ đồng nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt. *Thứ ba*, việc xử lý nợ xấu của các TCTD cũng được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua quá trình thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD. *Thứ tư*, NHNN đã triển khai đồng bộ một số giải pháp phòng ngừa nợ xấu, kiểm soát nâng cao chất lượng tín dụng.

Bên cạnh kết quả nêu trên, quá trình xử lý nợ xấu đến nay cho thấy còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được tháo gỡ, cụ thể: *Thứ nhất*, một số giải pháp trong Quyết định số 843 thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương để hỗ trợ xử lý nợ xấu đã bước đầu được triển khai. Tuy nhiên, vẫn còn một số Bộ, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm, chủ động thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu, đặc biệt là các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về hoàn thiện hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm. Quá trình xét xử, thi hành án với nhiều thủ tục phức tạp, kéo dài làm cho việc xử lý nợ xấu thông qua tòa án, thi hành án rất chậm, chưa hiệu quả. *Thứ hai*, việc xử lý nợ xấu thông qua xử lý tài sản bảo đảm, bán khoản nợ theo cơ chế thị trường, thu nợ khách hàng vay còn nhiều hạn chế, dẫn đến khó xử lý nợ xấu một cách triệt để. *Thứ ba*, nhiều khoản nợ xấu tại các TCTD bị kiểm soát đặc biệt có liên quan đến các vụ án đang trong quá trình điều tra, truy tố nên thời gian giải quyết bị kéo dài. *Thứ tư*, cơ chế, chính sách về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm còn bất cập, gây nhiều

khó khăn trong việc xử lý nợ xấu của TCTD, VAMC; thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia xử lý tài sản bảo đảm và mua bán nợ xấu; thị trường mua bán nợ chậm phát triển làm cho việc xử lý nợ xấu kéo dài hơn, gia tăng chi phí do nợ xấu gây ra cho TCTD, khách hàng vay và nền kinh tế. *Thứ năm*, sau gần 4 năm đi vào hoạt động, VAMC còn thiếu nguồn lực, cơ chế, chính sách, quy định pháp lý phù hợp để xử lý nhanh nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua. Thứ sáu, nợ xấu, nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu có nguy cơ tăng trở lại. Tính đến 31/12/2016, tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý chiếm 5,81% trên tổng dư nợ cho vay, đầu tư đối với nền kinh tế; nếu tính cả nợ xấu đã được cơ cấu lại giữ nguyên nhóm nợ thì tỷ lệ này sẽ là 10,08% trên tổng dư nợ cho vay, đầu tư đối với nền kinh tế.

2. Quá trình tổng kết cho thấy một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng trên là do cơ chế, chính sách, pháp luật về xử lý nợ xấu chưa hoàn thiện, chưa bảo vệ quyền chủ nợ hợp pháp của các TCTD, quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ còn nhiều bất cập làm hạn chế hiệu quả của việc xử lý nợ xấu, cụ thể như: *Thứ nhất*, Luật Đất đai chỉ cho phép TCTD được nhận tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã hạn chế quyền mua, bán nợ có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của các chủ thể khác không phải là TCTD; pháp luật hiện hành cho phép được mua, bán nợ, tài sản bảo đảm theo giá trị thị trường, nhưng chưa có quy định cụ thể về bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ... Các bất cập này cản trở việc tạo lập và phát triển thị trường mua bán nợ xấu, chưa bảo vệ quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD/VAMC. *Thứ hai*, nhiều quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm còn nhiều vướng mắc, bất cập, không bảo đảm quyền xử lý tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm như: quy định về xử lý vi phạm nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm, quy định cho phép kê biên cả tài sản bảo đảm, quy định về xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản... *Thứ ba*, thời gian xử lý nợ, tài sản bảo đảm qua tòa án không hiệu quả (thời gian giải quyết khoảng 400 ngày, nhưng thực tế là khoảng 2 năm; chi phí chiếm khoảng: 29% giá trị đòi nợ; chỉ số chất lượng tố tụng tư pháp của Việt Nam chỉ đạt 6,5/18)¹. Trong khi đó pháp luật về tố tụng dân sự chưa cho phép áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm của bên bảo đảm và quyền xử lý tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm. Các vướng mắc pháp lý nêu trên hầu hết liên quan đến quy định tại các Luật nên để xử lý các bất cập, khó khăn, vướng mắc này thì cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao như hình thức Nghị quyết hoặc Luật của Quốc hội.

3. Nếu những khó khăn, vướng mắc trong việc xử lý nợ xấu của TCTD, VAMC không được xử lý thì có thể dẫn đến những bất cập như: *Thứ nhất*,

¹ Báo cáo môi trường kinh doanh 2017 (Doing Business 2017) của Ngân hàng Thế giới.

không khuyến khích, huy động được các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia xử lý nợ xấu của các TCTD. Thứ hai, không có cơ chế, chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ VAMC, TCTD xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm. Thứ ba, những bất cập, thiếu hụt trong khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm nếu không được xử lý kịp thời sẽ kéo dài thời gian xử lý nợ xấu, làm ảnh hưởng tới niềm tin đối với ngành ngân hàng, ảnh hưởng không tốt đến sự an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD và tạo ra nguy cơ rủi ro lan truyền. Thứ tư, mô hình tăng trưởng của Việt Nam còn phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng. Do vậy, nếu các khó khăn, vướng mắc về xử lý nợ xấu không được tháo gỡ, thì sẽ không thể khơi thông được nguồn vốn của hệ thống ngân hàng, hạn chế quyền tiếp cận vốn của doanh nghiệp, khó giảm được lãi suất cho vay, qua đó ảnh hưởng đến mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng và tăng trưởng GDP của nền kinh tế.

4. Ngoài ra, quá trình xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm giai đoạn vừa qua cho thấy, khó khăn, vướng mắc của quá trình xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm còn do cách hiểu và thực thi pháp luật chưa thống nhất. Khi xử lý nợ xấu qua tòa án, TCTD, VAMC còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do cách hiểu, cách áp dụng pháp luật không thống nhất của các tòa án như: cách hiểu về một người dùng tài sản của mình để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác, cách hiểu quy định biện pháp thế chấp và bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất; về một tài sản có thể đảm bảo cho nhiều nghĩa vụ,... Các vướng mắc này, NHNN đã báo cáo với Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ² và đã có văn bản gửi Tòa án nhân dân tối cao³ đề nghị tháo gỡ. Bên cạnh đó, hiệu quả của công tác thi hành án dân sự liên quan đến thu hồi nợ tín dụng, ngân hàng còn hạn chế⁴, nợ tồn đọng tại khâu thi hành án dân sự tính đến 31/03/2017 là 17.184 việc, với số tiền còn phải thi hành án khoảng 65.489 tỷ đồng.

5. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư BCHTW Đảng Khóa XII xác định chủ trương lớn trong cơ cấu lại thị trường tài chính là: *“Ban hành các quy định hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các TCTD; giao thẩm quyền và nâng cao năng lực của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD (VAMC) trong mua bán nợ theo giá thị trường gắn với xử lý tài sản thế chấp, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ; đồng thời, bố trí nguồn lực phù hợp để xử lý nhanh và dứt điểm nợ xấu trong nền kinh tế. Tăng cường*

²Báo cáo số 88a/BC-NHNN ngày 30/9/2014, Tờ trình số 150a/TTr-NHNN ngày 30/9/2014, Tờ trình số 227/TTr-CP ngày 19/5/2015, Tờ trình số 59/TTr-NHNN ngày 29/5/2015, Tờ trình số 119/TTr-NHNN ngày 10/8/2016, Tờ trình số 150/TTr-NHNN ngày 30/9/2016

³Công văn số 1037/NHNN-PC.m ngày 27/12/2016 của NHNN gửi Tòa án nhân dân tối cao

⁴Theo báo cáo của Bộ Tư pháp, đến 31/3/2017 còn tồn đọng 17.184 việc liên quan đến hoạt động ngân hàng tương ứng với số tiền là 65.489 tỷ đồng chưa được các cơ quan thi hành án dân sự thi hành; 6 tháng đầu năm 2017 (từ 01/10/2016-31/3/2017) chỉ thi hành xong 1.654 việc liên quan đến hoạt động ngân hàng (chiếm 8,78% tổng số việc phải thi hành) với số tiền 10.524 tỷ đồng (chiếm 13,44% tổng số tiền phải thi hành).

công tác thanh tra, giám sát, quản trị rủi ro các TCTD. Tiếp tục cơ cấu lại các TCTD; xử lý căn bản và triệt để nợ xấu và các TCTD yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống". Đồng thời, để triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với nợ xấu giai đoạn 2016-2020, một trong các yêu cầu được Bộ chính trị đặt ra là tạo cơ chế xử lý nợ xấu gắn với xử lý tài sản bảo đảm để xử lý nhanh, dứt điểm nợ xấu. Nghị quyết 23/2016/QH14, Nghị quyết 24/2016/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ đều xác định xử lý nợ xấu là nhiệm vụ trọng tâm.

Như vậy, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý xử lý nợ xấu theo hình thức ban hành Nghị quyết của Quốc hội là rất cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương chính sách của Đảng, thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, cũng như đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết cần cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội về xử lý nợ xấu, bảo vệ quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, VAMC; khắc phục các vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm. Nghị quyết là một văn bản chuyên ngành để xử lý nợ xấu nhằm xử lý triệt để, hiệu quả nợ xấu của ngành ngân hàng. Các nội dung liên quan đến xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm cần được ưu tiên thực hiện theo quy định của Nghị quyết này. Ngoài ra, Nghị quyết cần phải tham khảo kinh nghiệm của một số nước để chọn lọc những kinh nghiệm hay, áp dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 18/TB-VPCP ngày 17/01/2017 và Thông báo số 117/TB-VPCP ngày 03/3/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự án Luật hỗ trợ tái cơ cấu các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 433/QĐ-NHNN ngày 21/3/2017 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và tiến hành đầy đủ thủ tục, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Chính phủ, Quốc hội thông qua Nghị quyết theo đúng quy định. Nghị quyết đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV và thông qua vào ngày 21/6/2017.

IV. VỀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2017/QH14

Về cơ bản, các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của TCTD, VAMC đã được Ngân hàng Nhà nước báo cáo Chính phủ, Quốc hội, nhằm mục tiêu đảm

bảo quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, VAMC cũng như thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, đảm bảo sự an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Nghị quyết số 42/2017/QH14 gồm 19 Điều và 01 Phụ lục về xác định nợ xấu với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc xử lý nợ xấu (Từ Điều 1 đến Điều 3)

a) Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Để xác định phạm vi của Nghị quyết, Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Cụ thể, Nghị quyết này quy định thí điểm một số chính sách về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của TCTD (VAMC); quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC.

b) Về nguyên tắc xử lý nợ xấu:

Để thể hiện rõ mục tiêu, quan điểm ban hành Nghị quyết, tránh sự lạm dụng của các tổ chức, cá nhân liên quan, Điều 3 Nghị quyết quy định về nguyên tắc xử lý nợ xấu, theo đó, việc xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC phải tuân thủ nguyên tắc sau đây: (i) Bảo đảm công.khai, minh bạch, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; (ii) Phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống; (iii) Không sử dụng ngân sách nhà nước để xử lý nợ xấu; (iv) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật để xảy ra nợ xấu và trong quá trình xử lý nợ xấu phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Về nợ xấu (Điều 4)

Điều 4 Nghị quyết xác định phạm vi nợ xấu được áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết này, cụ thể bao gồm các khoản nợ xấu thuộc một trong hai trường hợp sau đây:

(i) Là khoản nợ được hình thành và xác định là nợ xấu trước ngày 15 tháng 8 năm 2017;

(ii) Là khoản nợ được hình thành trước ngày 15/8/2017 và được xác định là nợ xấu trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực (15/8/2017-15/8/2022).

Việc xác định khoản nợ nào là nợ xấu để xử lý theo Nghị quyết này được căn cứ Phụ lục về xác định nợ xấu ban hành kèm Nghị quyết này. Phụ lục về xác định nợ xấu gồm 5 Điều với các nội dung quy định cụ thể về các hoạt động phát sinh nợ xấu, tiêu chí cụ thể về phương pháp xác định nợ xấu, nguyên tắc xác định nợ xấu để xác định nợ xấu được áp dụng quy định tại Nghị quyết.

Để bảo đảm tính linh hoạt, Nghị quyết cũng quy định, trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi Phụ lục theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Việc xác định nợ xấu tại Nghị quyết này chỉ là cơ sở để xác định phạm vi nợ xấu được áp dụng cho các chính sách tại Nghị quyết, không ảnh hưởng đến việc phân loại nợ tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung). Hay nói cách khác, việc phân loại nợ của TCTD vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN.

Đồng thời, Nghị quyết cũng quy định trách nhiệm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC chịu trách nhiệm xác nhận bằng văn bản khoản nợ là nợ xấu khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Về bán nợ xấu và tài sản bảo đảm (Điều 5)

Về nguyên tắc, giá bán nợ và giá bán tài sản bảo đảm phản ánh giá trị thị trường tại thời điểm xử lý, giá đó có thể cao hoặc thấp hơn giá trị của khoản nợ trước đây. Thực tế, do biến động của thị trường, giá bán khoản nợ, tài sản bảo đảm thực tế có thể thấp giá trị sổ sách của khoản nợ. Khi bán nợ giá thấp hơn giá trị sổ sách của khoản nợ hoặc xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ không thu hồi đầy đủ nợ gốc làm hiện thực hóa khoản lỗ, buộc TCTD ngay lập tức phải trích lập dự phòng rủi ro cho khoản nợ đó, kéo theo việc xem xét trách nhiệm của cá nhân có liên quan, dẫn đến tâm lý e ngại của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cá nhân không dám thực hiện việc bán khoản nợ, tài sản bảo đảm theo giá trị thị trường.

Pháp luật hiện hành (Nghị định 53/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này, Thông tư 19/2013/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này và Thông tư 09/2015/TT-NHNN) cho phép bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo giá trị thị trường. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về quyền bán nợ xấu thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ xấu. Do đó, để đảm bảo hiệu quả việc xử lý nợ, tại Điều 5 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: *TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật; giá bán phù hợp với giá thị trường, có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ.*

Quy định này nhằm khẳng định rõ ràng trách nhiệm của người bán theo hướng nếu bán theo đúng quy định pháp luật, kể cả việc bán thấp hơn giá ghi số thì người bán không phải chịu trách nhiệm. Người có hành vi vi phạm pháp luật gây ra nợ xấu vẫn phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.

4. Về mua, bán nợ xấu của VAMC (Điều 6)

a) Về khoản nợ được mua, bán của VAMC

Hiện tại, VAMC chỉ được mua nợ xấu hạch toán trong bảng. Quy định này hạn chế đối tượng các khoản nợ xấu được mua bán theo giá thị trường. Do vậy, dự thảo Nghị quyết cho phép VAMC được mua các khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro đang hạch toán ngoài bảng của TCTD (trừ khoản nợ xấu của TCTD liên doanh và TCTD 100% vốn nước ngoài) và chuyển đổi các khoản nợ xấu mà VAMC đã mua bằng trái phiếu đặc biệt sang mua theo giá trị thị trường. Điều này sẽ có ý nghĩa: (i) TCTD sẽ giảm được số nợ xấu bán cho VAMC bằng trái phiếu đặc biệt để xử lý dứt điểm nợ xấu và cải thiện chất lượng tài sản của TCTD; (ii) Chất lượng tài sản của TCTD được cải thiện một cách bền vững hơn; (iii) TCTD bán nợ theo giá trị thị trường thu được nợ bằng tiền mặt để phục vụ cho việc mở rộng đầu tư, tín dụng mới; giải phóng vốn bị đọng trong các khoản nợ xấu, giảm chi phí cơ hội và cải thiện khả năng sinh lời của TCTD; (iv) Khi bán được các khoản nợ xấu đang hạch toán ngoài bảng, các TCTD sẽ có thêm thu nhập bất thường và nâng cao khả năng: trích lập dự phòng rủi ro đối với tổn thất do chuyển các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt sang mua theo giá trị thị trường và trích lập dự phòng cho việc xử lý các khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng, tạo động lực khuyến khích các TCTD bán nợ xấu theo giá trị thị trường. Đồng thời, việc cho phép chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt sang mua bán theo giá trị thị trường sẽ giúp tạo lập thị trường mua bán nợ theo giá thị trường, bảo đảm nguyên tắc thị trường trong xử lý nợ xấu. Kinh nghiệm của Malaysia, Hàn Quốc... cho thấy, các nước chỉ đặt vấn đề xử lý nợ xấu mà không có phân biệt nợ xấu “đang hạch toán trong bảng hay ngoài bảng trên bảng cân đối kế toán của TCTD”.

Đồng thời, để tạo điều kiện cho VAMC thực hiện hoạt động mua, bán nợ theo giá trị thị trường Nghị quyết cũng cho phép VAMC được thỏa thuận với TCTD mua khoản nợ xấu với giá mua bằng giá trị định giá của tổ chức định giá độc lập; xử lý, bán, thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và phân chia phần giá trị còn lại của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu này sau khi trừ giá mua và các chi phí xử lý. Tuy nhiên, VAMC phải thống nhất với TCTD lựa chọn tổ chức định giá độc lập.

b) Về đối tượng được mua bán nợ

Để thị trường mua bán nợ hình thành và hoạt động có hiệu quả, nhiều yếu tố cần phải được đảm bảo như chủ thể tham gia thị trường (có người bán, người

mua và người cung cấp dịch vụ hỗ trợ, môi giới trung gian...) và hệ thống quy định pháp luật để vận hành thị trường (các quy định về quyền và trách nhiệm của người bán, người mua nợ, về thủ tục mua, bán khoản nợ, định giá khoản nợ;...), các quy định pháp lý trong hoạt động thu giữ tài sản để phát mại.

Tuy nhiên, chủ thể tham gia thị trường mua bán nợ bị hạn chế theo quy định pháp luật: Luật số 69/2014/QH13 Điều 26 Khoản 2 quy định đối với doanh nghiệp nhà nước *“Doanh nghiệp được quyền bán nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Doanh nghiệp chỉ được bán nợ cho tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán trực tiếp cho đối tượng nợ...”*.

Theo quy định tại Nghị định 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ thì trường hợp bên mua nợ (tổ chức, cá nhân) thực hiện mua nợ không nhằm mục đích kinh doanh được phép mua nợ theo quy định tại Bộ luật dân sự. Đồng thời Khoản 4 Điều 1 Nghị định 69/2016/NĐ-CP quy định: Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán nợ theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của VAMC (Nghị định 53/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung), đối tượng được mua nợ của VAMC bao gồm tất cả tổ chức, cá nhân mà không cần điều kiện là các tổ chức mua nợ phải có chức năng kinh doanh mua, bán nợ (Khoản 6 Điều 16 Nghị định 53/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung). Như vậy, về nguyên tắc, các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh mua bán nợ có thể được mua nợ của VAMC.

Theo quy định của Luật số 69/2014/QH13, VAMC được mua nợ xấu của các TCTD, nhưng không thể bán được nợ cho bên thứ ba (ngoài DATC, AMC của các TCTD) nếu bên thứ ba không có đăng ký kinh doanh về ngành nghề mua bán nợ. Trong khi đó các TCTD bán nợ không bị giới hạn này (TCTD được bán nợ cho các tổ chức khác, cá nhân không kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ). Điều này ảnh hưởng đến mục tiêu xử lý nhanh nợ xấu, do đó, cần thiết phải có quy định để mở rộng đối tượng được mua nợ xấu của VAMC bao gồm cả các pháp nhân, cá nhân không có chức năng mua, bán nợ. Malaysia, Hàn Quốc... không giới hạn đối tượng được mua nợ xấu của TCTD và công ty xử lý nợ.

Do đó, Điều 6 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: VAMC được bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân bao gồm cả doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh mua, bán nợ.

5. Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (Điều 7)

Để giải quyết khó khăn, vướng mắc của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm liên quan đến việc giao tài

sản bảo đảm để xử lý, tạo điều kiện cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị quyết của Quốc hội, tránh trường hợp chủ tài sản cố tình chây ì, chống đối kéo dài thời gian xử lý, gây ảnh hưởng lớn đến việc xử lý nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của đa số người gửi tiền, nâng cao kỷ luật hợp đồng, đồng thời, đảm bảo không phát sinh việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC lạm dụng quyền thực hiện hành vi thu giữ gây mất trật tự xã hội, xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan, Nghị quyết quy định cụ thể về 05 điều kiện thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm bao gồm:

Thứ nhất, khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự;

Thứ hai, tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;

Thứ ba, giao dịch bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm đã được đăng ký theo quy định của pháp luật;

Thứ tư, tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa giải quyết hoặc đang giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật;

Thứ năm, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại Điều này.

Nghị quyết cũng quy định rõ các phương thức thông báo, thời hạn công khai, địa điểm công khai việc thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản và động sản. Theo đó, đối với bất động sản, chậm nhất 15 ngày trước ngày thu giữ, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC phải: (i) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (ii) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có tài sản bảo đảm; (iii) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; (iv) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm.

Đối với động sản việc công khai thông tin được tiến hành theo phương thức: (i) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi

bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; (ii) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản trước thời điểm thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm bằng cách gửi theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm.

Đồng thời, Nghị quyết quy định TCTD chỉ được ủy quyền việc thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD đó; VAMC chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho TCTD bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ. TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Ngoài ra, Nghị quyết cũng quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều này.

6. Về áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án (Điều 8)

Theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thời gian thực hiện thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo trình tự thủ tục tố tụng rút gọn sẽ được rút ngắn hơn trình tự thông thường từ khoảng từ 03 tháng đến 07 tháng. Việc TCTD không được áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn ảnh hưởng lớn đến tiến độ xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của TCTD. Do đó, nhằm tăng hiệu quả hoạt động xử lý tài sản bảo đảm qua tòa án, Điều 8 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định về áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết 02 loại tranh chấp: (i) về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm của bên bảo đảm; và (ii) quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC.

Nghị quyết cũng quy định điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn bao gồm: Thứ nhất, trong hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cho bên nhận bảo đảm hoặc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC có quyền xử lý tài sản bảo đảm. Thứ hai,

giao dịch bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm đã đăng ký theo quy định của pháp luật. Thứ ba, không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn hoặc các đương sự giải trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản.

Việc giải quyết tranh chấp sẽ thực hiện theo thủ tục rút gọn quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định của Nghị quyết, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy định về áp dụng thủ tục rút gọn.

7. Về mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai(Điều 9)

Để mở rộng và phát triển thị trường mua bán nợ theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho bên mua các khoản nợ có nguồn gốc từ hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi không được nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của khoản nợ đã mua theo quy định tại Luật đất đai, Điều 9 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định:

Thứ nhất, bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó là quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua.

Thứ hai, bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp.

Thứ ba, VAMC được đăng ký thế chấp khi nhận bổ sung tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ đã mua.

Đồng thời, Nghị quyết giao Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là tài sản bảo đảm của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

8. Về xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản (Điều 10)

Khi không trả được nợ, về nguyên tắc, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC phải được quyền xử lý tài sản bảo đảm đã nhận thế chấp hợp pháp. Việc chuyển nhượng được các tài sản bảo đảm là dự án bất động sản sẽ góp phần mang lại hiệu quả cho nền kinh tế bên cạnh việc xử lý nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC. Tuy nhiên, việc yêu cầu TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC chỉ được xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản khi đáp ứng đầy đủ điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản theo Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 49 Luật Kinh doanh bất động sản 2014 là không khả thi, không phù hợp với hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC. Để TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC có cơ sở pháp lý xử lý được tài sản bảo đảm là các dự án bất động sản qua đó góp phần tăng cường hiệu quả của công tác xử lý nợ xấu, Điều 10 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định về điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản đảm bảo phù hợp với hoạt động xử lý tài sản bảo đảm trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng gồm đầy đủ các điều kiện sau đây: (i) Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; (ii) Có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iii) Dự án không có tranh chấp đã được thụ lý chưa giải quyết hoặc đang giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền về quyền sử dụng đất; không đang bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iv) Không có quyết định thu hồi dự án, thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bên nhận chuyển nhượng dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; kế thừa các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án và tiến hành các thủ tục để tiếp tục thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng.

9. Về kê biên tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án (Điều 11)

Việc cho phép chấp hành viên kê biên cả tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án đang thế chấp, cầm cố tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đảm bảo cho khoản vay theo Luật Thi hành án dân sự hiện hành ảnh hưởng lớn đến quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, gia tăng nợ xấu của hệ thống TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đặc biệt trong trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay hoặc là nguồn thu nhập chính để trả nợ cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, nhằm đảm bảo quyền chủ nợ của bên nhận bảo đảm, quyền và lợi ích của các bên liên quan, Điều 11 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định

về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC.

10. Về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm và chuyển nhượng tài sản bảo đảm (Điều 12, Điều 15)

Việc phải nộp các khoản thuế trước khi thực hiện nghĩa vụ ưu tiên thanh toán cho bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã làm giảm số tiền thu hồi nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhiều trường hợp số tiền bán tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng vẫn phải nộp thuế, gây khó khăn cho cả bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm và ảnh hưởng lớn đến quyền lợi chủ nợ có bảo đảm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, nhằm đảm bảo tạo điều kiện để TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể thu hồi được khoản nợ xấu từ xử lý tài sản bảo đảm, qua đó giảm thiểu nợ xấu cho nền kinh tế, điều 12 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi trừ chi phí bảo quản, thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC trước khi thực hiện nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Để chấm dứt tình trạng các cơ quan thuế yêu cầu bên nhận bảo đảm trích số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm để thanh toán nghĩa vụ nợ thuế khác của bên bảo đảm thì mới làm thủ tục xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục sang tên tài sản bảo đảm cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng, Điều 15 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: Bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng không phải thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm.

11. Về bán nợ xấu có tài sản bảo đảm đang bị kê biên (Điều 13)

Phạm vi các khoản nợ xấu của TCTD được bán cho VAMC bị hạn chế khi không được bán nợ có tài sản bảo đảm đang bị kê biên, điều này ảnh hưởng đến vai trò của VAMC đối với việc xử lý nợ của hệ thống TCTD cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý nợ xấu của TCTD. Do đó, Điều 3 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: TCTD được quyền bán khoản nợ xấu mà khoản nợ xấu đó có tài sản bảo đảm đang bị kê biên cho VAMC, doanh nghiệp có chức năng kinh doanh mua, bán nợ. Đồng thời, Nghị quyết quy định TCTD có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về tình trạng bị kê biên của tài sản bảo đảm trước khi thực hiện mua, bán khoản nợ xấu; bên mua tự xác định rủi ro đối

với việc mua khoản nợ này. Việc bán tài sản bảo đảm đang bị kê biên này thực hiện theo quy định của pháp luật.

12. Về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng (Điều 14)

Việc không có quy định pháp luật về việc hoàn trả tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất quy trình xác định tài sản bảo đảm là chứng cứ hay không phải chứng cứ của vụ án hình sự đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý tài sản bảo đảm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC. Do đó, để đảm bảo quyền xử lý tài sản bảo đảm hợp pháp của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC và đảm bảo góp phần tăng cường hiệu quả xử lý nợ của hệ thống TCTD, Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: Sau khi hoàn tất các thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC.

13. Về phân bổ lãi dự thu, chênh lệch khi bán khoản nợ xấu của TCTD, VAMC (Điều 16)

Để tránh cú sốc lớn cho TCTD do việc thoái lãi dự thu, phân bổ ngay chênh lệch giữa giá trị khoản nợ và giá bán nợ sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của TCTD, đồng thời để hỗ trợ TCTD, VAMC có thêm nguồn lực tài chính để hoạt động kinh doanh hiệu quả, Điều 16 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định TCTD được phân bổ số lãi dự thu đã ghi nhận của các khoản nợ xấu của TCTD chưa thoái theo quy định, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này vào kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm. Mức phân bổ hằng năm tối thiểu là mức chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm của TCTD; Thời hạn phân bổ số lãi dự thu tối đa không quá 10 năm; riêng đối với lãi dự thu phải thoái của các khoản nợ bán cho VAMC, thời gian phân bổ lãi dự thu tối đa không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu của VAMC. Thời hạn phân bổ chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này tối đa không quá 05 năm.

Nghị quyết cũng quy định TCTD chỉ được phân bổ dần số lãi dự thu đối với số lãi dự thu đã ghi nhận đến hết ngày 31/12/2016.

VAMC được phân bổ chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu đã mua theo giá trị thị trường và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này vào kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm với mức phân bổ tối thiểu là chênh lệch thu chi.

14. Về áp dụng pháp luật (Điều 17)

Để đảm bảo việc áp dụng Nghị quyết này phù hợp với nguyên tắc, mục tiêu, quan điểm xây dựng Nghị quyết với vai trò là văn bản quy phạm pháp luật cho phép áp dụng chính sách mới để xử lý, Điều 17 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định:

Thứ nhất, việc xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC được áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp Nghị quyết này không có quy định thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ hai, trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và luật khác về cùng một vấn đề về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

Để hỗ trợ cho việc xử lý nợ xấu của ngân hàng chính sách, Nghị quyết quy định: Ngân hàng chính sách được áp dụng các quy định tại Nghị quyết này để xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách.

15. Về quy định chuyển tiếp (Điều 18)

Để đảm bảo có cơ chế xử lý chuyển tiếp cho các trường hợp sau khi Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành, Điều 18 Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định: (i) Thỏa thuận giữa VAMC với TCTD quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết này đã có hiệu lực trong thời hạn Nghị quyết có hiệu lực được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn của thỏa thuận đó; (ii) TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC được tiếp tục thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này trong trường hợp đã thực hiện việc công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 7 của Nghị quyết trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực; (iii) Tòa án tiếp tục áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết đối với vụ án đã được thụ lý trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực.

16. Về điều khoản thi hành (Điều 19)

Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định hiệu lực của Nghị quyết là 5 năm kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2017. Đồng thời, quy định trách nhiệm Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chính quyền địa phương trong việc giám sát, tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành Nghị quyết./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

